

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

ETHANOL

Số CAS: 64 - 17 - 5 Số UN: 1170 Số đăng ký EC: 200 - 578 - 6

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên thường gọi của chất : Ethanol

Tên thương mại : Ethanol

Tên khác (không là tên khoa học) : Chưa có thông tin

Tên và địa chỉ nhà cung cấp :

Công Ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Đại Hoàn Cầu
2/4/51/19 Lê Thúc Hoạch, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Tp HCM
Điện Thoại : (84-8) 6.2538540- 6.2779771 fax : (84-8) 6.2538541
MST: 0304592686

Tên nhà sản xuất và địa chỉ :

Công Ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Đại Hoàn Cầu
2/4/51/19 Lê Thúc Hoạch, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Tp HCM

Điện Thoại : (84-8) 6.2538540- 6.2779771 fax : (84-8) 6.2538541

Mục đích sử dụng : Thực phẩm, công nghiệp, dung môi.....

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Ethanol	64 - 17 - 5	CH ₃ CH ₂ OH	≥80.00 %

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm

- Các chất lỏng dễ cháy, Loại 2
- Tồn thương mắt nghiêm trọng/làm rát mắt, Loại 2a
 - Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)
 - Từ tín hiệu: Nguy hiểm

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Các nguy hại thể chất
 - * Chất lỏng/ hơi rất dễ cháy
- Các nguy hại sức khỏe:
 - * Gây kích ứng nghiêm trọng với mắt.
 - * Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt, choáng váng.
 - * Kích ứng da vừa phải.
 - * Kích ứng nhẹ hệ thống hô hấp.
- Các nguy hại về môi trường
 - * Không được xếp vào loại nguy hiểm với môi trường theo các tiêu chuẩn của GHS.
- Ngăn ngừa:

- * Để xa tầm tay trẻ em.
- * Không để ở nơi nhiệt độ cao/ gần nguồn lửa trần/ gần nơi có tia lửa điện/ trên các bề mặt nóng.
- * Không hút thuốc lá.
- * Thùng chứa luôn được đóng chặt.
- * Dùng găng tay, quần áo, kính, mạng che mặt.

- Lưu trữ:

- * Lưu trữ trong môi trường thông thoáng. Đóng chặt thùng chứa.
- * Giữ ở nơi mát mẻ.
- * Khóa kho cẩn thận.

- Thái bỏ:

Sản phẩm thải loại và phương tiện chứa phải được tồn chứa ở nơi thích hợp hoặc thu hồi/ tái chế theo đúng các quy định của địa phương/ quốc gia.

- Tình trạng sức khỏe trầm trọng hơn:

Bệnh lý sẵn có của (hệ thống) các cơ quan trong cơ thể dưới đây có thể trầm trọng hơn khi có sự tiếp xúc với vật liệu này: gan.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt phòng rộp, và/ hoặc mờ mắt.
- Đường hô hấp: Hít phải khí có nồng độ cao có thể làm cho hệ thần kinh trung ương (CNS) bị tê liệt dẫn đến chóng mặt, choáng, đau đầu và nôn ói. Các dấu hiệu và triệu chứng khác của sự suy yếu hệ thần kinh trung ương (CNS) có thể bao gồm đau đầu, buồn nôn và mất khả năng điều khiển cơ thể. Tiếp tục hít có thể dẫn đến hôn mê và tử vong.
- Đường da: Các dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác bỏng rát và/ hoặc da khô/ nứt nẻ.
- Đường tiêu hóa: Nếu vật liệu đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm như ho, ngạt thở, thở khò khè, khó thở, tức ngực, hụt hơi và/ hay sốt.
- Tổn thương gan biểu hiện qua sự chán ăn, bệnh vàng da (vàng da và mắt), mệt mỏi, chảy máu hoặc dễ bị thâm tím, , thỉnh thoảng đi kèm đau nhức và sưng tấy ở vùng bụng trên.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Thận trọng rửa mắt ngay bằng nước sạch trong ít nhất 30 phút trong khi giữ cho mí mắt hở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các chăm sóc tiếp theo.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Ngâm da vào nước sạch trong ít nhất 15 phút, sau đó rửa cùng với xà phòng nếu có thể. Nếu da trở nên đỏ, sưng, đau và/ hoặc phòng rộp, chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở): Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo. Giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm): Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sĩ. Không kích ứng gây nôn. Nếu nạn nhân nôn ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: Dễ cháy loại 2

2. Các mối nguy hại cụ thể phát sinh từ hóa chất: Không có.

3. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Hỗn hợp hoặc chất rắn và chất lỏng hoặc hơi (khói); CO; Ethanol cháy tạo ra ngọn lửa màu xanh lam, không có khói, có thể không nhìn thấy trong điều kiện ánh sáng bình thường.

4. Các tác nhân gây cháy, nổ: Sự phóng tĩnh điện; lửa trần; tia lửa.

5. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Bột chống cồn, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon điôxyt, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ. Không nên đổ nước dập lửa vào môi trường nước khác. Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa. Giải tán những người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực có hỏa hoạn.

6. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Mang đầy đủ quần áo bảo vệ và dụng cụ thở có ôxy. Khi chữa cháy trong không gian kín phải dùng các thiết bị bảo hộ thích hợp, bao gồm cả mặt nạ phòng độc.

7. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Tất cả các khu vực cất chứa đều phải trang bị các phương tiện chống cháy thích hợp. Làm mát cho các dụng cụ chứa lân cận bằng cách phun nước.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, RỖ RỈ

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (≤ 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngấm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn (> 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe bồn tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cặn với nước. Giữ lại những chất thải ô nhiễm. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngấm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi xử lý. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các phương tiện bảo vệ cá nhân, xem Phần VIII của Phiếu An Toàn Hóa Chất này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:

Tránh hít phải khí và/ hoặc sương. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh các tia lửa. Tích tụ tĩnh điện có thể phát sinh trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục của dòng điện bằng cách nối và tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế tốc độ tuyến trong khi bơm để tránh phát sinh hiện tượng phóng điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi ống tiếp (bơm) ngập 2 lần đường kính của nó, sau đó $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh để bắn tung tóe khi tiếp (bơm). Không sử dụng khí nén để tiếp (bơm), hút, hay xử lý tác nghiệp. Giữ cho nhiệt độ của thiết bị bơm bằng với nhiệt độ môi trường xung quanh. Đợi 2 phút (đối với hầm chứa nhỏ) và 30 phút (đối với hầm chứa lớn) sau khi đổ hóa chất vào thùng trước khi mở cửa hầm chứa. Ethanol

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Phải được cất chứa trong khu vực thông gió tốt, tránh xa ánh sáng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Tránh xa các bình xịt, các nguyên tố dễ cháy, ôxy hóa, các chất ăn mòn và cách xa các sản phẩm dễ cháy khác mà các sản phẩm này không có hại hay gây độc cho con người hay cho môi trường. Các loại hơi trong thùng chứa không nên để thoát ra không khí. Sự ngưng thở nên được kiểm soát bằng một hệ thống xử lý hơi thích hợp. Giữ cho nhiệt độ của thùng chứa hóa chất bằng với nhiệt độ môi trường xung quanh. Đóng chặt dụng cụ chứa khi không sử dụng. Không sử dụng khí nén để đổ đầy, tháo ra hay xử lý.

3. Lời khuyên về thùng chứa: Các thùng chứa, thậm chí cả những thùng đã đổ hết hóa chất ra ngoài, có thể chứa các khí dễ nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hay thực hiện các thao tác tương tự gần các thùng chứa.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp.

Vật liệu	Nguồn	Loại	ppm	mg/m3	Chú giải
Ethanol	EH40WEL	TWA	1,000	1,880	
	ACGIH	STEL	None allocated		
		Carcinon Category	None allocated		

Chỉ số Tiếp Xúc Sinh học (BEI) - xem tham khảo để có đầy đủ các chi tiết: Không có giới hạn về sinh học.

2. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Tạo sự thông gió phù hợp trong các khu vực cất trữ. Sử dụng các hệ thống được lắp càng kín càng tốt. Sự thông gió chống nổ phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí ở dưới hướng dẫn/giới hạn sự tiếp xúc. Khuyến cáo nên có thông gió để thoát khí cục bộ.

3. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc: Trang bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn).
- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất đối với vật liệu này.
- Bảo vệ tay: Nếu có khả năng tiếp xúc bằng tay với sản phẩm, sử dụng loại găng tay đạt chuẩn phù hợp (ví dụ loại Europe EN 374, US: F739, AS/NZS:2161) được sản xuất từ các loại nguyên liệu dưới đây có thể bảo vệ được tay chống các loại hóa chất: bảo vệ dài hạn hơn: cao su butyl; bảo vệ cho tiếp xúc/ bắn tóe không chủ đích: cao su tự nhiên; cao su neopren; cao su nitril. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay.
- Bảo vệ chân: Giày và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất.
- Bảo vệ cơ quan hô hấp: Nếu các kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo vệ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn mặt nạ và bộ lọc phù hợp. Chọn một bộ lọc phù hợp cho các khí và hơi hữu cơ [điểm sôi > 65 oC (149 oF)] thỏa mãn EN141. Khi thiết bị bảo vệ hô hấp được yêu cầu, sử dụng mặt nạ che kín mặt. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxy, không gian hạn chế) sử dụng dụng cụ thở có áp suất.

4. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Chưa có thông tin

5. Các biện pháp vệ sinh: Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không có mùi thơm để rửa tay.

6. Phương pháp theo dõi: Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp. Các ví dụ về các phương

pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia. Học viện Quốc gia Hoa Kỳ về An toàn và Vệ sinh lao động (NIOSH): Sổ tay hướng dẫn Phương pháp phân tích. <http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammenu.html> Cục An toàn và Vệ sinh lao động Hoa Kỳ (OSHA): Phương pháp chọn mẫu và phân tích <http://www.osha-slc.gov/dts/sltc/methods/toc.html> .Cơ quan Vệ sinh và An toàn Anh Quốc (HSE): Phương pháp xác định các yếu tố nguy hại

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

- Trạng thái vật lý: Lỏng
- Màu sắc: Không màu
- Mùi đặc trưng: Mùi ête
- Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 67 hPa ở 20 °C / 68 °F
- Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0.0015 g/ml ở 90 oC
- Độ hòa tan trong nước: Ở 20 oC / 68 oF có thể trộn được hoàn toàn.
- Độ PH: Không phù hợp.
- Khối lượng riêng (kg/m³): ca. 790-810 kg/m³ ở 15 °C / 59 °F
- Điểm sôi: 78 °C / 172 °F
- Điểm nóng chảy: -114 °C, 159 K, -173 °F
- Điểm bùng cháy (Flash point) theo phương pháp xác định: 13 - 16 °C / 55 - 61 °F
- Nhiệt độ tự cháy (°C): 362 °C
- Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên/ dưới (% hỗn hợp với không khí): 3.1 - 23.5 %(V)
- Tỷ lệ hoá hơi: 1.5 (ASTM D 3539, nBuAc=1)
- Trọng lượng phân tử: 46.07 g/mol – 1

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định: Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường.

2. Khả năng phản ứng: Phản ứng với các nguyên tố ôxy hóa mạnh và axit mạnh. Ôxy hóa khi tiếp xúc với không khí.

3. Các điều kiện cần tránh: Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác.

4. Các vật liệu không tương thích: Các nguyên tố ôxy hóa mạnh, các axit mạnh.

5. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Sự phân hủy do nhiệt phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện. Một phức hợp của các chất rắn bay trong không khí, các chất lỏng và gas, bao gồm cả ô xit các bon và các hợp chất hữu cơ khác sẽ tiến triển khi vật liệu này trải qua quá trình phân rã do bị nén hay do nhiệt hoặc ôxy hóa.

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Đường tiếp xúc	Kết quả	Sinh vật thử
----------------	-------------	----------------	---------	--------------

Ethanol	LD50 > 2000 mg/kg	Miệng; Da	Độc tính cấp tính thấp	Chuột
---------	----------------------	-----------	---------------------------	-------

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

- Độc hại đối với sinh sản và phát triển: Gây độc cho bào thai trên động vật ở những liều lượng đủ gây độc cho cơ thể mẹ. Có thể gây dị tật ở thai nhi hoặc sảy thai.

2. Các ảnh hưởng độc khác

- Kích ứng da: Kích ứng nhẹ cho da. Tiếp xúc lặp lại có thể gây khô da hoặc nứt nẻ.
- Kích ứng mắt: Kích ứng mạnh đối với mắt.
- Kích ứng hô hấp: Hít vào hay hơi sương có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp.
- Mức độ nhạy cảm: Không là chất nhạy cảm đối với da.
- Gan: Có thể gây tổn thương gan mãn tính nếu tiếp xúc nhiều lần với hàm lượng cao.

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật.

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Loại ngưỡng	Kết quả
Ethanol	Cá, sinh vật không xương sống dưới nước, tảo, các vi sinh vật	Chưa có thông tin	LL/EL/IL50 > 100 mg/l	Không gây độc

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Dễ phân hủy. Ôxy hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.
- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Chưa có thông tin
- Độ linh động: Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động và có thể làm ô nhiễm nước ngầm. Tan trong nước.
- Nguy cơ gây tích lũy sinh học: Không được cho là có thể tích lũy sinh hóa đáng kể.

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

1. Thông tin quy định tiêu hủy: Chưa có thông tin

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: Chưa có thông tin

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin

5. Các cân nhắc việc thải bỏ:

- **Hủy bỏ vật liệu:** Lấy lại hay tái chế nếu có thể. Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các quy định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước. Sản phẩm thải không được làm nhiễm đất hay nước.
- **Loại bỏ thùng chứa:** Thoát nước toàn bộ thùng chứa. Sau khi rút dung dịch ra, để khô ở nơi an toàn tránh xa tia lửa và ngọn lửa. Phần còn sót lại có thể gây nguy cơ nổ. Không đục, cắt hay hàn những bình chứa chưa sạch. Đưa đến các drum hay thùng chứa kim loại để trữ lại.
- **Điều luật địa phương:** Các quy định của địa phương có thể nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu của khu vực hay quốc gia và phải được thực thi.

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định: Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:

- Nghị định số 104/2009/NĐ - CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Nghị định số 29/2005/NĐ - CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa.
 - Số UN: 1170
 - Tên vận chuyển đường biên: ETHYL ALCOHOL
 - Loại, nhóm hàng nguy hiểm: Loại: 3. Nhóm: II
 - Quy cách đóng gói: 20 tấn/ Iso Tank (Container chuyên dụng).
 - Nhãn vận chuyển: ETHYL ALCOHOL

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (theo European Commision)

- Tên nhãn hàng : ISOPROPYL ALCOHOL
- Số/Kí hiệu : 200 - 578 - 6
- Phân loại nguy hiểm : Rất dễ cháy. Gây kích ứng.
- Số nhận dạng : 603 - 117 - 00 - 0
- Cụm từ cảnh báo : R11 - Rất dễ cháy
- Cụm từ hướng dẫn : S7 – Đóng chặt thùng chứa
- S16 - Giữ xa các nguồn gây cháy nổ. Không hút thuốc.

2. Phân loại nguy hiểm theo hệ thống đồng nhất toàn cầu GHS

- Các chất lỏng dễ cháy, Loại 3
- Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát mắt, Loại 3a

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 15/06/2014

- Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đại Hoàn Cầu

- Lưu ý khi phân phối Phiếu An Toàn Hóa Chất: Mọi người phải biết thông tin trong tài liệu để có thể sử dụng những sản phẩm này.
- Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu an toàn hoá chất này được xây dựng dựa trên căn cứ Luật Hoá chất và Nghị định 108/2008/NĐ - CP.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Đại Diện Công Ty

NGUYỄN THỊ HÒA NHÃ